

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 799/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Th, sinh năm 1992; thường trú: Thôn Ph, xã T, huyện Th, tỉnh H; tạm trú: Số 86/9 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1989; thường trú: Xã Th, huyện Th, tỉnh H; tạm trú: tạm trú: Số 86/9 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trịnh Xuân Đ, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; cùng địa chỉ: Thôn Ph, xã T, huyện Th, tỉnh H. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 9 năm 2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trịnh Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạch L (nay là xã Tân Lâm Hương), huyện Th, tỉnh H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyền số 01/2010, ngày 27/10/2010. Chị Th xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau về kinh tế, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Tình cảm vợ chồng phai nhạt không còn quan tâm chăm sóc nhau, anh L có quan hệ với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ cuối năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 10/6/2011 và Nguyễn Văn Tuấn A, sinh ngày 28/5/2018. Hiện nay, cháu Trà M đang sống cùng ông bà ngoại tại thôn Ph, xã T, huyện Th, tỉnh H; cháu Tuấn A đang sống cùng chị Th. Do công việc bận rộn, không có nhiều thời gian để chăm sóc con nên chị Th và anh L đã gửi cháu Tr về sống cùng ông bà ngoại. Chị Th buôn bán tự do thu nhập mỗi tháng khoảng 20.000.000 đồng, có chỗ ở ổn định. Do đó, sau khi ly hôn chị Th yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Xuân Đ và bà Nguyễn Thị H trình bày: Ông Đ và bà H là cha mẹ của chị Trịnh Thị Th. Cháu Trà M được chị Th và anh L gửi cho ông bà từ lúc cháu được 03 tháng tuổi cho đến nay. Hiện nay, cháu Trà M đang học lớp 4 tại Trường tiểu học xã Tân Lâm Hương, kết quả học tập rất tốt. Ông bà chỉ thay cha mẹ chăm sóc cháu, chi phí sinh hoạt và học hành của cháu đều do anh L và chị Th chu cấp. Cuộc sống hôn nhân giữa chị Th và anh L phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nhưng vẫn đề ly hôn ông bà không có ý kiến gì, để anh L và chị Th tự quyết định. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh L và chị Th ly hôn thì ông bà đề nghị Tòa án giao cháu Trà M cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông bà sẽ tiếp tục hỗ trợ chị Th trong việc chăm sóc cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên

đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 06/4/2021 và ngày 29/4/2021 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Th và anh L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th (nay là xã Tân Lâm Hương), huyện Th, tỉnh H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01/2010, ngày 27/10/2010 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Chị Th xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau về kinh tế và thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm ngày càng phai nhạt. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ cuối năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị Th yêu cầu được ly hôn với anh L.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh về tình trạng hôn nhân, trước khi Tòa án thụ lý vụ án chị Th và anh L không ai có đơn đề nghị hòa giải tại cơ sở, phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

[2.4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải Th yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Chị Th xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, phát sinh trong thời gian dài không hàn gắn được. Anh L đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Th và anh L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Th yêu cầu được ly hôn với anh L là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị Th xác định quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 10/6/2011 và Nguyễn Văn Tuấn A, sinh ngày 28/5/2018. Chị Th yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai

con. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, tại đơn trình bày nguyện vọng cung cấp cho Tòa án cháu Trà My có nguyện vọng được chung sống với mẹ. Cháu Tuấn Anh hiện còn nhỏ rất cần sự yêu thương chăm sóc từ người mẹ. Chị Th buôn bán tự do, có chỗ ở, có thu nhập ổn định 20.000.000 đồng/tháng nên đủ khả năng kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Anh L không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến về vấn đề con chung khi vợ chồng ly hôn, không cung cấp chứng cứ chứng minh anh có việc làm và thu nhập. Vì vậy, chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Chị Trịnh Thị Th tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trịnh Thị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 227, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Th đối với anh Nguyễn Văn L về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn L. (Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Thạch L (nay là xã T), huyện Th, tỉnh H và được cấp ngày 27/10/2010).

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 10/6/2011 và Nguyễn Văn Tuấn A, sinh ngày 28/5/2018 cho chị Trịnh Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trịnh Thị Th không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Th và anh L đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh L lạm

dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Th nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trịnh Thị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0048650 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã Th (nay là xã T), huyện Th, tỉnh H;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân